

Số: 192/2022/QĐST-HNGĐ

Lục Nam, ngày 18 tháng 07 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 185/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 04 năm 2022 về việc: Tranh chấp chia tài sau ly hôn, giữa:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn V, xã P, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

- **Bị đơn:** Ông Lê Quang Đ, sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn M, xã A, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 12, điểm d khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 08 tháng 07 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành ngày 08 tháng 07 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo Đ xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về việc phân chia tài sản chung:

- Giao cho bà Nguyễn Thị L quyền sử dụng 278,6m² đất, trong đó có 180m² đất ở, 98,6m² đất trồng cây lâu năm của thửa đất số 01, tờ bản đồ 30, địa thửa đất tại thôn M, xã A, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang; đã được Ủy ban nhân dân huyện Lục Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10/06/2015 mang tên ông Lê Văn Đ, sinh năm 1977, bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn M, xã A, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang; số seri CD 403693, số vào sổ cấp GCN: CH01834.

Phần đất giao cho bà Nguyễn Thị L sử dụng (278,6m²) có các cạnh tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp với diện tích đất giao cho anh Lê Quang Đ từ điểm 9 đến điểm 16 dài 24,28m; phía Nam giáp với nhà ông Dương từ điểm 13 đến điểm 14 dài 10,36m, từ điểm 14 đến điểm 15 dài 8,03m; phía Đông giáp đất nhà ông Dương từ điểm 9 đến điểm 10 dài 1,75m, từ điểm 10 đến điểm 11 dài 4,66m, từ điểm 11 đến điểm 12 dài 5,70m, từ điểm 12 đến điểm 13 dài 0,21m; phía Tây giáp đường bê tông từ điểm 15 đến điểm 16 dài 15,72m. Bà Nguyễn Thị L được sở hữu toàn bộ các tài sản, cây cối, hoa màu lâm lộc trên diện tích đất được giao sử dụng (278,6m²).

- Giao cho ông Lê Quang Đ quyền sử dụng 406,6m² đất, trong đó có 180m² đất ở, 226,6m² đất trồng cây lâu năm của thửa đất số 01, tờ bản đồ 30, địa chỉ thửa đất tại thôn M, xã A, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang; đã được Ủy ban nhân dân huyện Lục Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10/06/2015 mang tên ông Lê Văn Đ, sinh năm 1977, bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn M, xã A, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang; số seri CD 403693, số vào sổ cấp GCN: CH01834. Phần đất giao cho anh Lê Quang Đ sử dụng (406,6m²) có các cạnh tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp đất xã ở của xã P từ điểm 1 đến điểm 2 dài 38,54m, từ điểm 2 đến điểm 3 dài 0,99m, từ điểm 3 đến điểm 4 dài 3,11m; phía Nam giáp diện tích đất giao cho bà Nguyễn Thị L sử dụng từ điểm 9 đến điểm 16 dài 24,28m; phía Đông giáp ruộng nước từ điểm 4 đến điểm 5 dài 8,89m; phía Tây giáp đường bê tông từ điểm 1 đến điểm 17 dài 5,48m, từ điểm 17 đến điểm 16 dài 5,0m. Anh Lê Quang Đ được sở toàn bộ các tài sản (bao gồm cả nhà, các công trình...), cây cối, hoa màu lâm lộc trên diện tích đất được giao sử dụng (406,6m²).

1.2 Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị L tự nguyện chịu cả 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) tiền xem xét, thẩm định tại chỗ. Số tiền trên bà Nguyễn Thị L đã nộp đủ.

1.3 Về án phí: Các đương không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả bà Nguyễn Thị L 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai thu số 0013694 ngày 20/04/2022, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

(Kèm theo Quyết định này là sơ đồ đo đạc thửa đất đã giao cho các đương sự)

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;*
- *Chi cục THADS cùng cấp;*
- *UBND xã A;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Huân